

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4652 /BKHĐT-QLĐT

V/v thúc đẩy triển khai áp dụng đấu thầu qua mạng đáp ứng chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2019

SỐ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: 6566
Ngày: 11/7/19

Chuyên:
Lưu hồ sơ:

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

Thực hiện nhiệm vụ triển khai tổ chức đấu thầu qua mạng quy định tại Quyết định số 1402/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể và lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng giai đoạn 2016-2025 và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (Nghị quyết số 01), Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 3602/BKHĐT-QLĐT ngày 31/5/2019 gửi Thủ tướng Chính phủ về việc báo cáo sơ kết tình hình triển khai đấu thầu qua mạng giai đoạn 2016-2018 và xây dựng lộ trình 2019-2025.

Ngày 21/6/2019, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 5464/VPCP-KTN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng chấp thuận đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 3602/BKHĐT-QLĐT về việc xây dựng lộ trình đấu thầu qua mạng giai đoạn 2019-2025; đồng thời yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương, Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế nhà nước nghiêm túc triển khai đấu thầu qua mạng theo chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết số 01.

Theo số liệu tổng hợp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <http://muasamcong.mpi.gov.vn> (Hệ thống), kể từ ngày 01/01/2019 đến ngày 27/6/2019, các chủ đầu tư, bên mời thầu trên toàn quốc đã đăng tải 45.000 thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng với tổng giá trị gói thầu là 326.395 tỷ đồng và tổ chức hơn 13.400 gói thầu đấu thầu qua mạng (chiếm tỷ lệ 29% về số lượng, bằng 58% chỉ tiêu tại Nghị quyết số 01) với tổng giá trị gói thầu là 37.000 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 10% giá trị, bằng 67% yêu cầu tại Nghị quyết số 01). Trong đó có những cơ quan, đơn vị đến nay vẫn chưa thực hiện gói thầu nào qua mạng hoặc tỷ lệ thực hiện rất thấp dưới 10% (Biểu tổng hợp kết quả thực hiện đấu thầu qua mạng 06 tháng đầu năm 2019 xin gửi kèm theo Phụ lục).

Để đảm bảo mục tiêu đấu thầu qua mạng theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước trong 06 tháng cuối năm thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp để triển khai mạnh mẽ đấu thầu qua mạng, cụ thể là:

1. Quyết liệt đẩy mạnh áp dụng đấu thầu qua mạng:

- Các cơ quan, đơn vị chỉ đạo các chủ đầu tư, bên mời thầu thuộc phạm vi quản lý của mình đẩy mạnh đấu thầu qua mạng. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với việc không hoàn thành chỉ tiêu thực hiện về đấu thầu qua mạng theo quy định tại Nghị quyết số 01.

- Giao cơ quan, đơn vị quản lý về đấu thầu trực thuộc căn cứ số liệu về kết quả đấu thầu qua mạng hàng tháng trên Hệ thống (Bộ Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên cập nhật vào ngày cuối cùng của mỗi tháng) thường xuyên đôn đốc, giám sát việc công khai thông tin về đấu thầu và tổ chức đấu thầu qua mạng (đối với các gói thầu áp dụng đấu thầu qua mạng, tất cả các thông tin về hồ sơ mời thầu, biên bản mở thầu, báo cáo đánh giá, kết quả lựa chọn nhà thầu phải được đăng tải công khai trên Hệ thống).

- Chủ động thông tin rộng rãi về những gói thầu đấu thầu qua mạng qua các phương tiện truyền thông, giúp các nhà thầu tiếp cận kịp thời thông tin để tham dự.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện những hành vi tiêu cực, vi phạm, đặc biệt cần giám sát chặt chẽ đối với những gói thầu chỉ có duy nhất 01 (một) nhà thầu tham gia và xử lý nghiêm khắc chủ đầu tư và các bên liên quan nếu phát hiện hành vi vi phạm, không bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

2. Phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, bản yêu cầu báo giá trên Hệ thống kể cả những gói thầu chưa thực hiện đấu thầu qua mạng:

Thời gian gần đây, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được nhiều phản ánh từ các nhà thầu về việc một số bên mời thầu gây khó khăn, thậm chí không chịu phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với các gói thầu không áp dụng đấu thầu qua mạng. Để tăng cường tính công khai, minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả của công tác đấu thầu, đối với gói thầu chưa áp dụng đấu thầu qua mạng, đề nghị bên mời thầu đính kèm tệp tin (file) hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, bản yêu cầu báo giá khi đăng tải thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng trên Hệ thống theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 11 Thông tư liên tịch 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị Quý cơ quan có ý kiến gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, hướng dẫn. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (TL).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Trung



Phụ lục 1

**TỶ LỆ ÁP DỤNG ĐÁU THẦU QUA MẠNG TẠI CÁC
BỘ, NGÀNH TRONG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

*(Kèm theo văn bản số 4652.../BKHT-QLĐT ngày 05.../.../2019 của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư)*

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng gói thầu thực hiện			Tổng giá trị gói thầu thực hiện (Đơn vị: Tỷ đồng)		
		Đấu thầu trực tiếp	Đấu thầu qua mạng	Tỷ lệ* (%)	Đấu thầu trực tiếp	Đấu thầu qua mạng	Tỷ lệ* (%)
1	Ban Quản lý lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	0	0	0	0	0	0
2	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	101	37	26,8	981	3,0	0,3
3	Bộ Công an	612	18	2,9	2.488	71,7	2,8
4	Bộ Công Thương	180	78	30,2	2.842	277,9	8,9
5	Bộ Giáo dục và Đào tạo	717	144	16,7	3.411	605,9	15,1
6	Bộ Giao thông vận tải	549	472	46,2	6.384	2.641,1	29,3
7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	35	9	20,5	180,6	20,6	10,2
8	Bộ Khoa học và Công nghệ	108	17	13,6	287	14,0	4,7
9	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	165	33	16,7	414	95,4	18,7
10	Bộ Nội vụ	45	4	8,2	82	6,5	7,3
11	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	820	215	20,8	3.070	615,8	16,7
12	Bộ Ngoại giao	7	0	0,0	56	0	0,0
13	Bộ Quốc phòng	1769	153	8,0	12.465	178,1	1,4
14	Bộ Tài chính	398	286	41,8	3.766	575,1	13,2
15	Bộ Tài Nguyên và Môi trường	273	47	14,7	1.139	73,8	6,1
16	Bộ Tư pháp	66	16	19,5	190	86,2	31,1
17	Bộ Thông tin và Truyền thông	189	105	35,7	2.013	141,3	6,6
18	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	159	30	15,9	350	79,4	18,5
19	Bộ Xây dựng	198	14	6,6	1.532	33,4	2,1
20	Bộ Y tế	2168	292	11,9	36.054	591,8	1,6
21	Đài tiếng nói Việt Nam	9	2	18,2	44	3,0	6,4
22	Đài truyền hình Việt Nam	88	67	43,2	361	193,7	34,9
23	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	27	17	38,6	56	13,5	19,4
24	Kiểm toán Nhà nước	23	4	14,8	218	10,7	4,7
25	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	82	32	28,1	445	31,2	6,6

26	Ngân hàng phát triển Việt Nam	8	0	0,0	31	0	0,0
27	Tòa án nhân dân tối cao	4	0	0,0	6	0	0,0
28	Thanh tra Chính phủ	18	0	0,0	32	0	0,0
29	Thông tấn xã Việt Nam	20	0	0,0	86	0	0,0
30	Ủy ban Dân tộc	22	0	0,0	125	0	0,0
31	Văn phòng Chính phủ	55	3	5,2	206	3,1	1,5
32	Văn phòng Chủ tịch nước	2	0	0,0	4,9	0	0,0
33	Văn phòng Quốc hội	33	19	36,5	81,9	30,8	27,3
34	Văn phòng Trung ương Đảng	23	0	0,0	69,3	0	0,0
35	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	129	90	41,1	358	107,7	23,1
36	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam	110	45	29,0	508,7	175,6	25,7
37	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	9	0	0,0	4,1	0	0,0

Ghi chú: * Tỷ lệ thực hiện đấu thầu qua mạng (theo số lượng hoặc giá trị).



Phụ lục 2

**TỶ LỆ ÁP DỤNG ĐÀU THẦU QUA MẠNG TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG
TRONG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

(Kèm theo văn bản số 4652/BKHĐT-QLĐT ngày 05/.../2019 của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng gói thầu thực hiện			Tổng giá trị gói thầu thực hiện (Đơn vị: Tỷ đồng)		
		Đầu thầu trực tiếp	Đầu thầu qua mạng	Tỷ lệ* (%)	Đầu thầu qua mạng	Đầu thầu trực tiếp	Tỷ lệ* (%)
1	UBND Thành phố Đà Nẵng	248	195	44,0	6.467	419,5	6,1
2	UBND tỉnh Đồng Tháp	190	102	34,9	902,4	280,1	23,7
3	UBND Tỉnh Đắk Nông	96	39	28,9	496,6	98,0	16,5
4	UBND Tỉnh Hoà Bình	96	101	51,3	907,7	203,9	18,3
5	UBND Tỉnh Ninh Thuận	81	25	23,6	561,9	130,2	18,8
6	UBND Tỉnh Sơn La	327	189	36,6	1.815,4	441,5	19,6
7	UBND tỉnh Gia Lai	256	77	23,1	1.080,7	214,7	16,6
8	UBND Tỉnh Tuyên Quang	111	19	14,6	427,3	56,0	11,6
9	UBND tỉnh Bình Thuận	129	38	22,8	502,3	61,5	10,9
10	UBND tỉnh Kiên Giang	83	54	39,4	937,7	247,0	20,8
11	UBND Thành phố Cần Thơ	235	79	25,2	2.012,2	209,7	9,4
12	UBND tỉnh Bắc Kạn	55	16	22,5	198,8	44,5	18,3
13	UBND Tỉnh Thái Bình	119	46	27,9	2.273,6	179,6	7,3
14	UBND tỉnh Đồng Nai	136	39	22,3	647,9	96,6	13,0
15	UBND Tỉnh Khánh Hoà	157	35	18,2	854,3	168,9	16,5
16	UBND Tỉnh Đắk Lắk	342	61	15,1	1.532,9	195,9	11,3
17	UBND tỉnh Cà Mau	181	44	19,6	1.194,4	132,3	10,0
18	UBND tỉnh Bình Dương	50	11	18,0	274,4	46,6	14,5
19	UBND Thành phố Hà Nội	1841	778	29,7	12.331,1	2.350,2	16,0
20	UBND Thành phố Hải Phòng	280	97	25,7	2.728,0	198,8	6,8
21	UBND tỉnh Tây Ninh	68	27	28,4	1.089,0	65,3	5,7
22	UBND Tỉnh Thanh Hoá	329	204	38,3	3.579,5	551,6	13,4
23	UBND Tỉnh Bắc Ninh	377	216	36,4	3.404,4	886,0	20,7
24	UBND Tỉnh Trà Vinh	220	81	26,9	883,7	283,1	24,3
25	UBND tỉnh Bắc Giang	305	126	29,2	1.852,7	376,3	16,9
26	UBND Tỉnh Vĩnh Phúc	352	67	16,0	2.891,4	210,5	6,8
27	UBND tỉnh Lai Châu	167	31	15,7	696,8	72,4	9,4

28	UBND tỉnh Cao Bằng	295	50	14,5	1.133,4	120,9	9,6
29	UBND Tỉnh Sóc Trăng	238	55	18,8	1.406,4	203,6	12,6
30	UBND tỉnh Bình Phước	142	209	59,5	1.624,1	2.643,1	61,9
31	UBND Tỉnh Quảng Ngãi	394	40	9,2	3.642,0	147,0	3,9
32	UBND Tỉnh Tiền Giang	368	37	9,1	2.054,7	101,1	4,7
33	UBND Tỉnh Thái Nguyên	260	28	9,7	1.614,5	87,2	5,1
34	UBND tỉnh Hậu Giang	95	11	10,4	533,8	28,4	5,1
35	UBND tỉnh Kon Tum	160	28	14,9	534,1	111,2	17,2
36	UBND tỉnh Bến Tre	157	26	14,2	1.302,6	69,2	5,0
37	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	812	108	11,7	5.394,0	205,2	3,7
38	UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	308	114	27,0	4.180,6	165,2	3,8
39	UBND Tỉnh Quảng Ninh	590	32	5,1	6.122,0	100,2	1,6
40	UBND tỉnh Nam Định	217	8	3,6	1.696,5	18,2	1,1
41	UBND tỉnh Hải Dương	289	66	18,6	1.698,0	245,3	12,6
42	UBND Tỉnh Quảng Trị	166	7	4,0	681,3	12,4	1,8
43	UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế	229	107	31,8	1.137,1	376,7	24,9
44	UBND Tỉnh Quảng Nam	417	76	15,4	2.086,8	138,0	6,2
45	UBND tỉnh An Giang	203	62	23,4	2.141,0	275,0	11,4
46	UBND tỉnh Long An	189	56	22,9	1.446,9	201,6	12,2
47	UBND tỉnh Quảng Bình	264	15	5,4	1.351,7	25,9	1,9
48	UBND tỉnh Lạng Sơn	161	38	19,1	851,7	162,6	16,0
49	UBND tỉnh Hà Tĩnh	270	70	20,6	2.338,5	260,9	10,0
50	UBND tỉnh Bình Định	304	12	3,8	1.670,3	17,2	1,0
51	UBND tỉnh Lào Cai	271	18	6,2	2.322,4	85,9	3,6
52	UBND Tỉnh Phú Thọ	362	9	2,4	1.732,1	45,0	2,5
53	UBND Tỉnh Vĩnh Long	119	17	12,5	983,4	39,8	3,9
54	UBND tỉnh Bạc Liêu	143	4	2,7	912,3	6,2	0,7
55	UBND Tỉnh Nghệ An	428	20	4,5	2.256,2	99,0	4,2
56	UBND tỉnh Lâm Đồng	199	46	18,8	891,9	147,1	14,2
57	UBND Tỉnh Phú Yên	164	12	6,8	3.708,6	26,2	0,7
58	UBND tỉnh Hà Nam	360	2	0,6	4.445,2	4,2	0,1
59	UBND tỉnh Điện Biên	338	0	0,0	1.061,4	0	0,0
60	UBND tỉnh Hà Giang	150	20	11,8	449,7	130,7	22,5
61	UBND tỉnh Hưng Yên	145	3	2,0	538,7	12,1	2,2
62	UBND tỉnh Ninh Bình	190	6	3,1	863,7	17,8	2,0
63	UBND Tỉnh Yên Bái	223	5	2,2	711,6	44,2	5,8

Ghi chú: * Tỷ lệ thực hiện đấu thầu qua mạng (theo số lượng hoặc giá trị).



Phụ lục 3

**TY LỆ ÁP DỤNG ĐẤU THẦU QUA MẠNG TẠI TẬP ĐOÀN KINH TẾ,
TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC TRONG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

(Kèm theo văn bản số 4652/BKHĐT-QLĐT ngày 05/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng gói thầu thực hiện			Tổng giá trị gói thầu thực hiện (Đơn vị: Tỷ đồng)		
		Đấu thầu trực tiếp	Đấu thầu qua mạng	Tỷ lệ* (%)	Đấu thầu trực tiếp	Đấu thầu qua mạng	Tỷ lệ* (%)
1	Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông (VNPT)	450	249	35,6	8.620	570,9	6,2
2	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	113	0	0,0	420	0	0,0
3	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	653	210	24,3	12.842	999,2	7,2
4	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1347	91	6,3	18.106	60,7	0,3
5	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	45	2	4,3	343	4,7	1,4
6	Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	2637	6078	69,7	18.432	13.026,3	41,4
7	Tập đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	103	6	5,5	635	5,9	0,9
8	Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel	282	63	18,3	1.523	143,5	8,6
9	Tòa án nhân dân tối cao	4	0	0,0	6	0	0,0
10	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	2	0	0,0	4	0	0,0
11	Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	4	0	0,0	9	0	0,0
12	Tổng công ty xi măng Việt Nam (Vicem)	157	2	1,3	3.028	0,8	0,0
13	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	111	3	2,6	2.119	6,0	0,3
14	Tổng công ty Giấy Việt Nam	7	0	0,0	51	0	0,0
15	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	28	12	30,0	232	14,0	5,7
16	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	74	9	10,8	481	9,3	1,9
17	Tổng công ty Lương thực miền Bắc	3	0	0,0	27	0	0,0
18	Tổng công ty Lương thực miền Nam	0	0	0	0	0	0
19	Tổng công ty Thép Việt Nam	17	0	0,0	84	0	0,0
20	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	10	1	9,1	116	3,3	2,7

Ghi chú: * Tỷ lệ thực hiện đấu thầu qua mạng (theo số lượng hoặc giá trị).

IN THE MATTER OF THE ESTATE OF
JAMES EARL RAY, DECEASED



No.	Amount	Payee	Date
1	100.00	John Doe	12/31/54
2	200.00	Jane Smith	1/15/55
3	150.00	Robert Brown	2/01/55
4	300.00	Mary White	3/15/55
5	400.00	Thomas Green	4/01/55
6	500.00	Elizabeth Black	5/15/55
7	600.00	William Gray	6/01/55
8	700.00	Patricia King	7/15/55
9	800.00	Richard Lee	8/01/55
10	900.00	Susan Hall	9/15/55

Received of the Estate of James Earl Ray, deceased, the sum of \$1,000.00 for the purpose of the will of the said decedent.

Witness my hand and seal this 15th day of December, 1954.

Clerk of the Board

James Earl Ray, deceased, was born on [redacted] at [redacted], [redacted], [redacted]. He died on [redacted] at [redacted], [redacted], [redacted]. His will was admitted to probate on [redacted] and is on file in the office of the Clerk of the Board.

The following is a list of the assets of the estate of James Earl Ray, deceased, as of the date of his death, [redacted]:

- [redacted]
- [redacted]
- [redacted]
- [redacted]
- [redacted]